

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước của Công ty cổ phần staBOO Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-UBND (cấp lần đầu ngày 22/4/2024) của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước;

Xét Văn bản số 4914/STNMT-BVMT ngày 05/06/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần staBOO Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1395/Tr-STNMT ngày 22/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần staBOO Thanh Hóa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá của Công ty cổ phần staBOO Thanh Hóa thực hiện tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bá Thước, Giám đốc của Công ty cổ phần staBOO Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Thiết Ống (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá tại xã Thiết
Ổng, huyện Bá Thước của Công ty cổ phần staBOO Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá.
- Địa điểm thực hiện: Xã Thiết Ổng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần staBOO Thanh Hóa.
- + Người đại diện: Nguyễn Trọng Nghĩa.
- + Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Km82 QL15A, xã Thiết Ổng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án Nhà máy sản xuất ván tre ép OSB staBOO Thanh Hoá được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích 254.850,19 m² thuộc địa giới hành chính xã Thiết Ổng, huyện Bá Thước.
- Công suất sản xuất: 300.000m³/năm.
- Quy mô sử dụng lao động: khoảng 150 lao động.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ sản xuất: Nguyên liệu → Cắt thành miếng → Phân loại miếng → Tạo dăm (nghiền thô và nghiền tinh) → Sấy đạt độ ẩm 4% (nhiệt độ 100°C) → Phân loại dăm (dăm không đạt kích thước chuyển quay lại công đoạn tạo dăm) → Trộn keo (bổ sung parafin và chất tạo đông) → Trải dăm và ép → Kiểm tra chất lượng → Làm nguội → Chà và cắt tấm → Sản phẩm (LSB/OSB) → Đóng gói.

- Công nghệ sản xuất của nhà máy là công nghệ khép kín, toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của Nhà máy chia làm hai phần: Phần thiết bị chính nhập khẩu từ Châu Âu; phần thiết bị phụ trợ phi tiêu chuẩn, sản xuất bởi các nhà chế tạo máy ở Việt Nam.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Quy mô các hạng mục công trình

- Quy mô các hạng mục công trình: Nhà băm tre với diện tích 689 m², nhà nghiền với diện tích 1871,21 m², nhà nghiền khô với diện tích 114,98m², khu nồi hơi có diện tích 286,92m², phụ trợ nồi hơi có diện tích 315,90 m², xưởng sản xuất với diện tích 37.300,42 m², phòng điều khiển 2 tầng với diện tích 1.555,63m², hồ xuất hàng với diện tích 1.052,50m², kho sinh khối (gồm 04 khu: Khu chứa nguyên liệu cho lò đốt cấp hơi, khu chứa CTR sản xuất, khu chứa CTR sinh hoạt, khu chứa CTNH; có mái che, tường bao xung quanh nền

láng xi măng) với diện tích 4.816,0 m², kho mùn cưa có diện tích 1.166,75m², kho lưu trữ tre lớn có diện tích 15.768,10m², trạm biến áp với diện tích 297,30m², xưởng hoàn thiện bề mặt có diện tích 5.859,46m², nhà phụ trợ sản xuất có diện tích 370,59m², trạm bơm nước có diện tích 515,65m², bể nước có diện tích 549,06m², khu xử lý nước thải có diện tích 94,24m², Văn phòng (03 tầng) diện tích 824,60m², nhà cân có diện tích 324,12m², Cầu cân (02 nhà) với diện tích 159,06m², nhà thể chất có diện tích 388,33m², nhà bảo vệ 42,85m², Bốt bảo vệ với diện tích 12,25m², nhà cấp nguyên liệu có diện tích 902,36m² và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ liên quan.

1.4.2. Hoạt động của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục công trình phục vụ dự án.

- Giai đoạn vận hành Dự án: Hoạt động sản xuất tấm tre ép OSB, LSB; hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4, Điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; tuy nhiên, dự án có khai thác và sử dụng nguồn nước dưới đất (nước ngầm) với tổng lượng nước được khai thác tại thời điểm lớn nhất dự kiến là 104m³/ngày.đêm, thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác nước dưới đất của UBND tỉnh Thanh Hoá.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Giải phóng mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động thi công xây dựng và hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng. Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân,... Các hoạt động này sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại, các rủi ro, sự cố môi trường..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong các giai đoạn của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,3 m³/ngày (*nước thải vệ sinh khoảng 1,15 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 1,15 m³/ngày*). Thành phần

chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 2,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng ngày lớn nhất 4.105,6m³/h. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công san lấp mặt bằng, đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO, hơi xăng...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt công nhân 16,0kg/ngày, thành phần chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, cọng rau, vỏ quả) chiếm 50% tương đương khoảng 8,0kg/ngày; 15% chất thải rắn tái chế tương đương khoảng 2,4kg/ngày; 15% CTR có thể đốt cháy tương đương khoảng 2,4kg/ngày và 20% CTR tro khác tương đương khoảng 3,2kg/ngày.

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất (loại) của chất thải rắn xây dựng

- Khối lượng vật liệu rơi vãi (cát, đá, gạch vỡ, bê tông...) khoảng 636,1tấn.

- Khối lượng sắt thép thừa, cốp pha loại, nhựa thừa... khoảng 77,9 tấn

- Khối lượng đất đào dư thừa khoảng 20.507,6 m³.

- Khối lượng phát quang thực vật khoảng 10.194 tấn.

3.1.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất (loại) của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,...khối lượng khoảng 4 kg/tháng.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện, máy móc thi công dự án tối đa tại công trường 5.682lít/giai đoạn thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Tác động do tiếng ồn, độ rung: từ hoạt động thi công và vận chuyển đến công nhân thi công, các hộ dân tiếp giáp ranh giới dự án và các hộ dân hai bên tuyến đường vận chuyển.

- Tác động đến tiêu thoát nước mặt: Hoạt động thi công, san lấp một phần suối Mai chảy qua dự án, ngăn dòng thoát nước mặt khu vực tạm thời trong thời gian thi công có nguy cơ gây ngập úng cục bộ.

- Rủi ro, sự cố tai nạn lao động trong quá trình thi công; Rủi ro, sự cố cháy nổ trong quá trình thi công; Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm; Rủi ro, sự cố do dịch bệnh.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 6,0 m³/ngày (bao gồm nước thải tắm, giặt, rửa tay, chân 3,0 m³/ngày.đêm; nước thải nhà vệ sinh 3,0 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa dao băm dăm khoảng 2,0 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu bùn đất, dăm tre,....

- Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý nước ngầm phục vụ sản xuất, sinh hoạt khoảng 15,09m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, Fe, Mn...

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh nồi hơi khoảng 1,5 m³/ngày.đêm (định kỳ xả cặn nồi hơi 03 tháng/lần). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các muối kim loại CaCO₃, MgCO₃,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án tối đa có lưu lượng 1.848,48 lit/s. Thành phần chủ yếu: bùn đất, rác thải,...

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy. Thành phần chủ yếu: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Bụi phát sinh từ quá trình bốc xếp vật liệu sản xuất và sản phẩm đi tiêu thụ. Thành phần chủ yếu: Bụi.

- Bụi từ quá trình cắt tre thành miếng, công đoạn tạo dăm tre, sấy, phân loại dăm, trải dăm tre và ép; quá trình chà và cắt tấm sau ép. Thành phần chủ yếu: bụi tre.

- Khí thải từ kho chứa keo, quá trình trộn keo, dán keo và sử dụng các hoá chất khác. Thành phần hơi dung môi sử dụng trong keo: Phenol, Fomaldehyt,...

- Bụi và khí thải từ quá trình sử dụng nhiên liệu đốt cho nồi hơi. Thành phần chủ yếu: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

- Bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và CO.

- Các hơi khí độc hại phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn. Thành phần chủ yếu: H₂S; NH₃; CH₄,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 45 kg/ngày thành phần 50% chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, cọng rau, vỏ quả) tương đương khoảng 22,5kg/ngày; 15% chất thải rắn tái chế tương đương khoảng 6,75kg/ngày; 15% CTR có thể đốt cháy tương đương khoảng 6,75kg/ngày và 20% CTR tro khác tương đương khoảng 9,0 kg/ngày.

3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Các loại dây buộc sản phẩm, bì lót vận chuyển sản phẩm, túi thừa... khoảng 20kg/tháng.

- Phế liệu tre từ công đoạn cắt cạnh, bụi tre, hàng loại, bụi tre từ hệ thống hút bụi, bụi tre từ hệ thống xử lý khí thải, vệ sinh nhà xưởng... khoảng 127,5 tấn/ngày.

- Tro từ lò đốt cấp hơi có khối lượng khoảng 46,41 tấn/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống XLNT khoảng 26,93 m³/năm.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có thành phần như: lá cây, giấy vụn... khoảng 8,0 kg/ngày.đêm.

3.2.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, hộp mực, bóng đèn neon, ắc quy, pin, vỏ thùng keo... khoảng 29.657,50kg/năm.

3.2.4. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

- Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, khí thải; rủi ro sự cố dịch bệnh, ...

- Tác động do việc khai thác nước ngầm: Khi nhà máy đi vào vận hành ổn định cần sử dụng nước cung cấp từ nguồn nước ngầm với lưu lượng 86m³/ngày đêm, do đó có nguy cơ suy giảm nguồn nước ngầm, sụt lún khu vực khai thác. Việc hạ thấp mực nước có thể dẫn tới hiện tượng sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước. Tại tầng đất chứa nước, có một lực đẩy Acsimet để nâng các khối đất đá lên; khi khai thác nước làm mực nước hạ thấp tầng đất này không còn lực đẩy Acsimet nữa và tạo ra lỗ hổng lớn, có thể dẫn tới sụt lún các công trình xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong các giai đoạn của dự án

4.1. Giai đoạn xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay, chân: đưa về hố lắng có thể tích 2,0 m³ (kích thước 2,0m × 1,0m × 1,0m; lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm). Nước thải sau hố lắng thoát ra suối Mai phía Đông khu vực dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): Thu gom, xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại và khu vực đang thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 01 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng: thu gom về 01 bể lắng có dung tích 3,0 m³ (kích thước 2,0m × 1,5m × 1,0m; lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để

chống thấm) tại khu vực lán trại; nước thải sau lắng thoát ra suối Mai phía Đông dự án.

c. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Không tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công thường xuyên kiểm tra, nạo vét các tuyến kênh mương thoát nước tạm đảm bảo quá trình thoát nước tốt không gây ngập úng.

- Che chắn khu vực thi công, phân luồng nước mưa chảy tràn, hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nhà thầu thi công cần phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Trong quá trình thi công san lấp phần suối Mai chảy qua khu vực Dự án để tạo mặt bằng thi công, đơn vị thi công phối hợp với UBND huyện Bá Thước xây dựng tuyến mương hoàn trả suối Mai theo công văn số 2447/UBND-KT&HT ngày 03/08/2024 của UBND huyện Bá Thước. Trong thời gian chưa thi công hoàn thiện tuyến mương hoàn trả suối Mai, chủ đầu tư tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 50m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu \times rộng = $0,4 \times 0,5(m)$; các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 0,8 \times 0,8 \times 0,8(m)$.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Dùng xe xitéc $5,0m^3$, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xitéc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường; các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp dựng tường rào tạm cao 2,5m, dài 1.000m bằng tôn quanh khu vực dự án để giảm thiểu bụi khuếch tán ra môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các giai đoạn của Dự án được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an

toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với khối lượng vật liệu rơi vãi (cát, đá, gạch vỡ, bê tông...) khoảng 636,1 tấn: Tận dụng làm vật liệu san nền các hạng mục công trình tại dự án.

- Đối với khối lượng sắt thép thừa, cốp pha loại, nhựa thừa... khoảng 77,9 tấn: Thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với khối lượng đất đào thừa khoảng 20.507,6 m³: Sử dụng hết để phủ đất màu, san nền khu vực đất khuôn viên cây xanh của dự án (diện tích cây xanh của dự án là 79.789,52 m², cao độ hiện trạng khu đất thực hiện dự án trung bình là +104m, cao độ san nền trung bình khu đất thực hiện dự án là +107m, khối lượng đất đắp cần có để san nền khuôn viên cây xanh là 22.530,627m³).

- Đối với khối lượng phát quang thực vật khoảng 10.194 tấn: Người dân thu hoạch trước khi triển khai dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 4,0 kg/tháng, trang bị ít nhất 02 thùng chứa dung tích 50 lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định, lưu trữ tạm tại khu vực riêng rộng 10m², có mái che bằng tôn, tránh tác động từ điều kiện tự nhiên mưa, nắng tại khu lán trại.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị ít nhất 15 thùng chứa (dung tích 200l) có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định để chứa chất thải lỏng nguy hại và được lưu chứa tại khu vực lưu giữ chất thải rắn nguy hại.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.1.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

4.1.3.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công

và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.
- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động khác

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công theo quy định; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển sử dụng đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật, tuân thủ theo đúng tuyến đường vận chuyển đã được phê duyệt; quá trình tập kết nguyên vật liệu tránh tập trung vào một thời điểm, không vận chuyển vào giờ đi làm của người dân, giờ tan học của học sinh.

- Trong mùa mưa và những ngày điều kiện trời mưa lớn đơn vị thi công dừng toàn bộ quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân cũng như máy móc, thiết bị.

- Lắp biển báo công trường đang thi công tại những nơi phù hợp, dễ quan sát.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; trang bị các phương tiện (bình bột chữa cháy, máy bơm nước, vòi phun,...) tại khu vực lán trại để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng dịch theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

- Hoàn trả đoạn suối Mai trong khu vực dự án: Uốn nắn dòng chảy của suối Mai về phía Đông Nam dự án để đảm bảo thu và thoát nước mưa chảy tràn cho khu vực dự án và khu vực xung quanh. Việc triển khai chi tiết hoàn trả suối Mai thuộc dự án riêng do UBND huyện Bá Thước thực hiện theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí thực hiện do Công ty Cổ phần staBOO Thanh Hóa chịu trách nhiệm (theo công văn số 2447/UBND-KT&HT ngày 03/08/2024 của UBND huyện Bá Thước).

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, cửa thu nước dẫn về hệ thống thoát nước mưa của dự án có các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra suối Mai phía Đông dự án.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải rửa dao băm tre với lưu lượng khoảng 2m³/ngày.đêm → Hố lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

+ Nước thải vệ sinh nồi hơi với lưu lượng khoảng 1,5m³/ngày.đêm → Hố lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

+ Nước thải từ quá trình xử lý nước ngầm phục vụ sản xuất, sinh hoạt với lưu lượng khoảng 15,09 m³/ngày.đêm → Hồ lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên lưu lượng khoảng 3,0 m³/ngày.đêm → 7 bể tự hoại 3 ngăn (có tổng thể tích 70,5 m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, tắm giặt với lưu lượng khoảng 3,0 m³/ngày.đêm → Đường ống PVC → hố ga → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Quy trình, công nghệ: Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể tách mỡ → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lọc màng MBR → Bể khử trùng.

+ Công suất: 40m³/ngày.đêm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Mai phía Đông dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

+ Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải, không để nước mưa chảy vào hệ thống thu gom nước thải; không làm thất thoát nước thải ra môi trường đất, nước mặt và vào hệ thống thoát nước mưa của dự án;

+ Xây dựng bể sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 80m³ (lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm và đặt cạnh bể điều hòa), đủ khả năng chứa nước thải của dự án trong 2 ngày khi xảy ra sự cố hệ thống nước thải tập trung.

4.2.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Đối với công đoạn cắt tre thành miếng, tạo dăm tre, sấy, phân loại dăm, trải dăm tre, công đoạn chà và cắt tấm: Chụp hút (khu vực phát sinh bụi) → Hệ thống ống dẫn → Cyclone → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Đối với công đoạn ép nóng (sử dụng keo dán), xử lý hơi formaldehit bằng biện pháp: lắp đặt chụp hút tại máy ép nóng → Quạt hút → Bình hấp thụ bằng nước (thêm một lượng nhỏ Urea) → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Đối với khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt cấp hơi:

Bổ sung và kiểm soát lượng oxy trong hệ thống đốt nhiên liệu lò đốt cấp hơi nước để giảm thiểu lưu lượng khí CO phát sinh.

Bụi, khí thải → Hệ thống phun hấp thụ khô (sử dụng vôi ngâm nước để giảm nồng độ các khí SO_x, CO_x) → hệ thống lọc vải → Bụi, cặn thải

↓
Quạt hút (công suất 45.000 m³/h) → ống khói → môi trường.

+ Thực hiện vệ sinh công nghiệp hằng ngày các khu nhà xưởng; lắp đặt điều hòa, thông gió cho các khu vực nhà xưởng;

+ Sử dụng các máy móc, thiết bị tự động để trộn keo, quét keo,... nhằm giảm thiểu việc công nhân phải tiếp xúc với các hơi dung môi hữu cơ;

+ Chất lượng bụi, khí thải của dự án sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm phải được xếp lịch và có giờ giao nhận nguyên liệu, sản phẩm cụ thể; trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm lên các phương tiện vận chuyển các phương tiện phải tắt máy.

- Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện của nhà máy đảm bảo các phương tiện hoạt động tốt; kiểm định các phương tiện theo đúng quy định.

- Thường xuyên phun tưới nước sân đường, vỉa hè, trên các tuyến đường giao thông nội bộ, sân bê tông của nhà máy; tuần suất phun ẩm là 04 lần/ngày đối với những ngày không mưa và thực hiện bổ sung khi phát sinh bụi nhiều.

- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ, nhà xe; trong quá trình dọn dẹp vệ sinh, quét dọn nhà xe, nếu thời tiết khô hanh, phát sinh nhiều bụi, trong quá trình quét dọn phải phun tưới nước tạo độ ẩm để giảm bụi.

- Thiết kế hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hố ga có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bổ sung chế phẩm vào hệ thống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh tắc bể và phát sinh mùi; Sử dụng hóa chất (như Oclean, Sumo, Davi - Star dạng bột) để thông tắc đường ống thoát nước thải.

- Bố trí các thùng đựng rác có nắp đậy và vận chuyển, xử lý hàng ngày hạn chế sự phát tán mùi hôi do phân hủy các chất hữu cơ có trong rác thải.

- Trồng cây xanh khuôn viên Nhà máy đảm bảo tỷ lệ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

4.2.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị và sử dụng các thùng rác loại 5 lít/thùng; 25 lít/thùng; 240 lít/thùng,... có nắp đậy bố trí trong các phòng làm việc và dọc hành lang các nhà xưởng, khu nhà văn phòng, khu nhà ăn, nhà vệ sinh, sân đường nội bộ... Thực hiện phân loại (03 loại: tái chế, tái sử dụng; thực phẩm và các loại khác) và thu gom rác thải sinh hoạt về kho chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 39m², nằm trong kho sinh khối đặt tại phía Tây Bắc dự án để lưu chứa. Kho chứa chất

thải rắn sinh hoạt diện tích 39m² có nền xi măng, tường bao xung quanh, chia thành các ngăn chứa chất thải rắn công nghiệp, có cửa đi và biển hiệu riêng.

+ Chuyên giao cho đơn vị thu gom tái chế đối với chất thải sinh hoạt có thể tái chế; Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển các loại rác thải sinh hoạt không thể tái chế để xử lý với tần suất 01 lần/ngày;

+ Yêu cầu cán bộ công nhân viên tuân thủ quy định/nội quy về thu gom và phân loại rác trong khu vực sản xuất và khu vực xung quanh; xả rác đúng nơi quy định.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

+ Các loại dây buộc sản phẩm, bì lót vận chuyển sản phẩm, túi: phân loại vào các thùng, bao chứa riêng và tập kết tại khu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 100 m², nằm trong kho sinh khối bố trí tại khu vực phía Tây Bắc dự án. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kì thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Phế phẩm tre từ công đoạn cắt cạnh, hàng loại, bụi tre từ hệ thống hút bụi, vệ sinh nhà xưởng: thu gom, tập kết tại khu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 100 m² nằm trong kho sinh khối bố trí tại khu vực phía Tây Bắc dự án để tận dụng làm nguyên liệu đốt cho nồi hơi.

+ Tro xỉ phát sinh từ đốt phế phẩm từ sản xuất tre, luồng cấp nhiệt cho nồi hơi: thu gom và đóng bao lưu trữ tại khu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 100 m² nằm trong kho sinh khối bố trí tại khu vực phía Tây Bắc dự án; sử dụng để trồng cây hoặc bán cho các đơn vị sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh.

+ Khu chứa chất thải rắn công nghiệp diện tích 100m² có nền xi măng, tường bao xung quanh, chia thành các ngăn chứa chất thải rắn công nghiệp, có cửa đi và biển hiệu riêng;

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy: Hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các giai đoạn của Dự án thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.2.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh: Thu gom, phân loại ngay tại nguồn và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 75 m², nằm trong kho sinh khối đặt tại phía Tây Bắc dự án. Kho chứa chất thải nguy hại có tường bao, nền láng xi măng, có cửa đi, biển hiệu riêng, chia các ngăn chứa chất thải nguy hại, trang bị thiết bị ứng phó sự cố.

- Vỏ thùng đựng keo, phụ gia, chủ dự án giao lại cho nhà cung cấp theo hợp đồng cung cấp sản phẩm; Các loại chất thải còn lại hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng, bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ; kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

+ Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

+ Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

+ Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

+ Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực công ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy, đặc biệt khu vực xử lý nước thải và nhà kho chứa rác thải để giảm thiểu mùi hôi, bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

+ Sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải thu gom vào 01 bể sự cố có tổng thể tích khoảng 80m³ với thời gian lưu nước thải của dự án trong 2 ngày; sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường, bơm ngược nước thải về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Trường hợp quá 02 ngày chưa khắc phục được hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý nước thải phát sinh như chất thải nguy hại;

+ Sự cố hệ thống xử lý khí thải: Có phương án dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao (*quat hút, túi lọc*) để thay thế khi cần thiết; xây dựng quy trình hướng dẫn và ban hành nội quy vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật; ghi chép đầy đủ các thông số vận hành hàng ngày để sửa chữa và

thay thế kịp thời khi có sự cố. Kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị; định kì thay thế các chất hấp thụ để đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống;

+ Phòng cháy và chữa cháy: lập và thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế PCCC được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt. Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; đảm bảo chất lượng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

+ Sự cố hóa chất: Lập phương án ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố do khai thác nước ngầm:*

+ Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện khai thác đúng lưu lượng, tần suất, đúng tầng chứa nước theo Giấy phép thăm dò nước dưới đất và Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được UBND tỉnh cấp. Theo dõi, giám sát các thông số lưu lượng khai thác; mực nước trong giếng khai thác; chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định, kịp thời dừng khai thác hoặc báo cơ quan chức năng khi có sự cố giảm mực nước hoặc thay đổi chất lượng nước khai thác. Khoanh vùng phạm vi bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

+ Tuyên truyền cho cán bộ, công nhân viên tiết kiệm nước, không lãng phí nước trong sản xuất và sinh hoạt, tái sử dụng nước phục vụ cho một số công đoạn sản xuất và phục vụ hoạt động của nhà máy;

+ Tuân thủ theo Luật Tài nguyên nước 2023; Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định về việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do sự cố lò đốt cấp hơi:*

+ Treo bảng nội quy, quy định về an toàn trong quá trình vận hành lò đốt cấp hơi; ghi chú các sự cố có thể xảy ra và phương pháp xử lý tại khu vực đặt lò đốt cấp hơi;

+ Trước khi vận hành lò cần phải kiểm tra tình trạng các loại máy móc, thiết bị của lò như: loại van, bơm tay hoặc bơm điện, hệ thống đường ống,..., đảm bảo hoạt động. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nồi hơi; khi xảy ra sự cố cần dừng ngay quá trình hoạt động để sửa chữa, khắc phục.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường đối với hoạt động của Nhà máy như sau:

5.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Vị trí giám sát: KT - Khí thải tại thân ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải đốt lò cấp hơi.
- Các chỉ tiêu giám sát: Bụi tổng, Nhiệt độ, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Vị trí quan trắc: NT - Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy.
- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, pH, COD, BOD₅, TSS, NH₄⁺, tổng P, tổng N, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn theo Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá Ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; không bố trí khu vực phát sinh bụi, mùi, khí thải gần khu dân cư; đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Cam kết hoàn trả các tuyến đường giao thông, tuyến mương thoát nước thuộc phạm vi Dự án theo đúng tiến độ, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, tiêu thoát nước của người dân khu vực; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước thực hiện cải dịch đoạn suối Mai nằm trong khu vực dự án theo công văn số 2447/UBND-KT&HT ngày 03/08/2024 của UBND huyện Bá Thước.

- Thực hiện quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ dự án.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.